

Số 23 /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 và biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trong hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực công thương, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật số 105/2025/QH15.

2. Điều kiện của tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật số 105/2025/QH15.

3. Trình tự, thủ tục tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu và thực hiện giám định tư pháp; danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15.

4. Thời hạn giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật số 105/2025/QH15.

5. Thành phần hồ sơ giám định tư pháp và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật số 105/2025/QH15.

6. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương; miễn nhiệm, thu hồi thẻ, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương.

7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Thông tư này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong ngành công thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Điều 3. Danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

Giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương gồm giám định tư pháp về các vấn đề chuyên môn thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành Công Thương theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành sau đây:

1. Năng lượng.
2. Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.
3. Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ.
4. An toàn kỹ thuật công nghiệp.
5. An toàn thực phẩm.
6. Quản lý thị trường.
7. Cạnh tranh.
8. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.
9. Thương mại điện tử.
10. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
11. Xúc tiến thương mại.
12. Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Điều 4. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương theo quy

định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 10 Luật số 105/2025/QH15 bao gồm:

1. Có trình độ đại học trở lên thuộc ngành đào tạo có liên quan đến một trong các lĩnh vực quy định tại Điều 3 Thông tư này do cơ sở giáo dục của Việt Nam đào tạo hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam;

2. Thời gian thực tế 05 năm hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo là tổng số thời gian làm việc ở vị trí việc làm công chức, viên chức không tính thời gian tập sự, thử việc (nếu có) và phù hợp lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương quy định tại Điều 3 Thông tư này;

3. Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức.

Điều 5. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Tại Bộ Công Thương

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm rà soát tiêu chuẩn giám định viên tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật số 105/2025/QH15, Điều 4 Thông tư này và đối chiếu với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15 để lựa chọn và lập danh sách đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ tiếp nhận, kiểm tra danh sách quy định tại khoản 1 Điều này trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

2. Tại địa phương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương hoặc cá nhân đăng ký thường trú tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15.

2. Tại Bộ Công Thương

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý giám định viên tư pháp có trách nhiệm lập danh sách đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ tiếp nhận, kiểm tra danh sách quy định tại khoản 2 Điều này trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp tại Bộ Công Thương.

3. Tại địa phương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương ở địa phương.

Điều 7. Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Tại Bộ Công Thương

a) Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương có nhu cầu cấp lại thẻ giám định viên tư pháp gửi đơn đề nghị có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị đến Vụ Tổ chức cán bộ để thực hiện thủ tục cấp lại thẻ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ tiếp nhận, kiểm tra nội dung đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

2. Tại địa phương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương ở địa phương.

Điều 8. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Đối với giám định viên tư pháp do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ gửi danh sách giám định viên tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp và Vụ Pháp chế để theo dõi;

b) Đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách.

2. Đối với giám định viên tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

Điều 9. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương

Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tư cách pháp nhân.

2. Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

3. Có thời gian hoạt động từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

4. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn phù hợp cho việc thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

5. Có trang thiết bị bảo quản, lưu giữ đối tượng, hồ sơ, tài liệu giám định và trang thiết bị, phương tiện làm việc khác đáp ứng yêu cầu thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Điều 10. Lập, công nhận, hủy bỏ công nhận, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương

1. Tại Bộ Công Thương

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 13 Luật số 105/2025/QH15, Điều 9 Thông tư này để gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ tiếp nhận, kiểm tra danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng ký ban hành quyết định công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, Vụ Tổ chức cán bộ gửi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp và Vụ Pháp chế để theo dõi.

Đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương có trách nhiệm đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách;

d) Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc trường hợp bị hủy bỏ công nhận theo quy định tại khoản 6 Điều 14 của Luật số 105/2025/QH15, tiếp nhận đơn đề nghị hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của cá nhân theo quy định tại khoản 7 Điều

14 của Luật số 105/2025/QH15, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc;

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm rà soát danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc trường hợp bị hủy bỏ công nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật số 105/2025/QH15, gửi Vụ Tổ chức cán bộ để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

2. Tại địa phương

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận, hủy bỏ công nhận và công bố người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, cá nhân đăng ký thường trú tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này; ra quyết định công nhận, hủy bỏ công nhận và công bố tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương;

b) Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương tại địa phương phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp theo quy định.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN TRUNG CẦU, YÊU CẦU VÀ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Điều 11. Trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Tại Bộ Công Thương

a) Trường hợp Bộ Công Thương được trung cầu giám định tư pháp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu, Vụ Pháp chế có trách nhiệm nghiên cứu ban đầu nội dung trung cầu để chuyển cho đơn vị chuyên môn phù hợp (trừ trường hợp Lãnh đạo Bộ chuyển trực tiếp cho đơn vị chuyên môn) với nội dung trung cầu giám định để nghiên cứu và tham mưu cụ thể việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định; trường hợp nội dung trung cầu giám định có liên quan đến nhiều đơn vị chuyên môn thì phải xác định rõ đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp trong việc tham mưu tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định hoặc từ chối trung cầu giám định.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chuyển của Vụ Pháp chế, đơn vị chuyên môn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ phương án cụ thể về việc tiếp nhận trung

cầu hoặc từ chối thực hiện giám định. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định thì phải kèm dự thảo văn bản cử người thực hiện giám định.

Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu trình;

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương được trung cầu giám định tư pháp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người trung cầu giám định về việc tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trung cầu; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do;

c) Trường hợp được trung cầu đích danh thì người giám định tư pháp hoặc công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản biết; đồng thời thông báo bằng văn bản cho người trung cầu về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do;

d) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà phân công từ 02 người trở lên thực hiện việc giám định thì cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện giám định thành lập Tổ giám định, trong đó giao nhiệm vụ Tổ trưởng Tổ giám định cho một trong số những người được phân công. Tổ trưởng Tổ giám định có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Tổ giám định và điều phối việc chuẩn bị, thực hiện giám định;

đ) Bộ Công Thương, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp, cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương chỉ tiếp nhận trung cầu và thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của người trung cầu giám định tư pháp trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15.

2. Tại địa phương

a) Việc tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương tại địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật số 105/2025/QH15;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của người trung cầu giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật số 105/2025/QH15.

3. Người được phân công thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc có trách nhiệm tiếp nhận nội dung trung cầu, yêu cầu giám định, tổ chức thực hiện giám định, kết luận về các nội dung giám định và trả lời người trung cầu, yêu cầu giám định.

4. Các trường hợp từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật số 105/2025/QH15.

Điều 12. Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Việc thành lập Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật số 105/2025/QH15.

2. Tại Bộ Công Thương

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn và đề xuất số lượng người thực hiện giám định tư pháp phù hợp với nội dung trung cầu giám định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

3. Tại địa phương

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn người thực hiện giám định tư pháp phù hợp với nội dung trung cầu giám định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Điều 13. Quy trình giám định trong lĩnh vực công thương

Việc giám định theo trung cầu, yêu cầu trong lĩnh vực công thương được thực hiện theo quy trình như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp.
2. Chuẩn bị giám định tư pháp.
3. Thực hiện giám định tư pháp.
4. Kết luận giám định tư pháp.
5. Trả kết luận giám định tư pháp.
6. Lập, bảo quản và lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp.

Điều 14. Tiếp nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật số 105/2025/QH15.

2. Việc nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp được gửi qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật số 105/2025/QH15.

3. Khi tiếp nhận đối tượng cần giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có) trong tình trạng niêm phong thì trước khi mở

phải kiểm tra niêm phong. Quá trình mở niêm phong phải có mặt của người thực hiện giám định và đại diện của người trung cầu hoặc người yêu cầu giám định tư pháp. Mọi thông tin, diễn biến liên quan đến quá trình mở niêm phong phải được ghi vào biên bản và có chữ ký xác nhận của các bên tham gia theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp có quyền từ chối tiếp nhận nếu phát hiện niêm phong bị rách hoặc có dấu hiệu bị thay đổi.

4. Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho người trung cầu, yêu cầu giám định theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Luật số 105/2025/QH15.

Điều 15. Chuẩn bị giám định tư pháp

1. Trên cơ sở nội dung trung cầu, yêu cầu giám định và hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu kèm theo, người thực hiện giám định xác định sơ bộ nội dung chuyên môn, công việc cần thực hiện; yêu cầu người trung cầu giám định cung cấp bổ sung hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giám định trong trường hợp chưa được cung cấp đầy đủ.

2. Trường hợp cần thiết, người thực hiện giám định lập đề cương giám định bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và gửi lấy ý kiến của người trung cầu, yêu cầu giám định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, người trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm gửi văn bản trả lời đối với đề cương giám định.

3. Đề cương giám định bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Đối tượng hoặc nội dung cần giám định và phạm vi giám định; thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định;

b) Xác định phương pháp thực hiện giám định, các quy chuẩn chuyên môn được áp dụng;

c) Xác định nội dung, chi tiết cần xác minh hoặc khảo sát đối tượng giám định phục vụ cho việc giám định (nếu cần thiết);

d) Dự kiến phương tiện, vật tư, trang thiết bị được sử dụng (nếu có);

đ) Dự kiến chi phí cần thiết cho việc thực hiện giám định; tạm ứng và thanh toán chi phí giám định;

e) Các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

Điều 16. Thực hiện giám định tư pháp

1. Việc thực hiện giám định trong lĩnh vực công thương được tiến hành như sau:

a) Nghiên cứu, phân tích kỹ hồ sơ trung cầu, đối tượng giám định và các tài liệu, thông tin được người trung cầu, yêu cầu giám định cung cấp;

- b) Xác định rõ đối tượng, những nội dung chuyên môn cần xem xét, đánh giá;
- c) Tiến hành khảo sát hoặc xác minh vấn đề cần thiết có liên quan mà người trung cầu, yêu cầu giám định không thể cung cấp được tài liệu, thông tin về vấn đề đó (nếu có);
- d) Tiến hành so sánh, đối chiếu vấn đề hoặc đối tượng cần giám định với quy chuẩn chuyên môn về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định;
- đ) Đưa ra nhận xét, đánh giá, nêu ý kiến chuyên môn cụ thể, rõ ràng về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định;
- e) Xây dựng, ban hành bản kết luận giám định;
- g) Lập hồ sơ giám định.

2. Trong quá trình thực hiện giám định, người giám định tư pháp có thể sử dụng ý kiến hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác đưa ra, phục vụ cho việc giám định.

3. Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trung cầu, yêu cầu giám định biết và thống nhất phương án giải quyết.

4. Người thực hiện giám định phải ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 34 Luật số 105/2025/QH15.

Điều 17. Kết luận giám định tư pháp

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định lập kết luận giám định tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật số 105/2025/QH15 và trả kết luận giám định cho người trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp theo đúng thời hạn yêu cầu.

2. Việc ký tên, đóng dấu trên bản kết luận giám định tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật số 105/2025/QH15.

3. Kết luận giám định tư pháp, biên bản bàn giao kết luận giám định tư pháp và văn bản ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục III, IV, V kèm theo Thông tư này.

4. Khi hoàn thành bản kết luận giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp lập hồ sơ đề nghị thanh toán, chi trả chi phí giám định tư pháp, bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về chi phí giám định.

Điều 18. Trả kết luận giám định tư pháp

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải gửi bản kết luận giám định cho người trung cầu, yêu cầu giám định ngay sau khi ban hành và lưu hồ sơ giám

định. Kết luận giám định có thể được trả trực tiếp cho người trung cầu, yêu cầu giám định hoặc qua đường bưu chính.

2. Trường hợp trả trực tiếp, người thực hiện giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Liên hệ, thông báo cho người trung cầu, yêu cầu giám định đến nhận kết luận giám định và nhận lại đối tượng giám định;

b) Kiểm tra giấy giới thiệu, giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước...) của người nhận kết luận giám định và đối tượng giám định;

c) Giao trả 01 bản kết luận giám định;

d) Kiểm tra, niêm phong, bàn giao lại đối tượng giám định (nếu có) theo quy định.

3. Trường hợp trả qua đường bưu chính, người giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Kiểm tra, đóng gói, niêm phong 01 bản kết luận giám định và đối tượng giám định được giao trả lại;

b) Gửi kết luận giám định và đối tượng giám định qua đường bưu chính (có ký giao nhận hoặc phiếu gửi).

Điều 19. Lập, bảo quản và lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập đối với từng vụ việc, đảm bảo phù hợp với từng loại việc giám định trong từng lĩnh vực quy định tại Điều 3 Thông tư này, bao gồm các tài liệu chính sau đây:

a) Hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định, bao gồm: Quyết định trung cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định; thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có); đối tượng giám định (nếu có);

b) Quyết định, văn bản phân công, cử người thực hiện giám định;

c) Biên bản giao, nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định;

d) Đề cương giám định (nếu có);

đ) Văn bản hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

e) Bản ảnh giám định (nếu có);

g) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);

h) Bản kết luận giám định tư pháp;

i) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ phục vụ việc giám định tư pháp (nếu có);

k) Biên bản giao nhận kết luận giám định; giao trả lại đối tượng giám định (nếu có);

l) Tài liệu khác liên quan đến việc giám định (nếu có).

2. Việc bàn giao, bảo quản, lưu trữ hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ giám định tư pháp của người thực hiện giám định được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp.

Hồ sơ giám định tư pháp của Tổ giám định được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp của thành viên được phân công làm Tổ trưởng Tổ giám định.

Hồ sơ giám định tư pháp của Hội đồng giám định được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp của thành viên được giao làm Chủ tịch Hội đồng giám định;

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Công Thương nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định về công tác lưu trữ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức do địa phương quản lý nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người thực hiện giám định có trách nhiệm yêu cầu công chức, viên chức của đơn vị lưu trữ hoặc bàn giao hồ sơ, lưu trữ hồ sơ giám định trong trường hợp chuyển công tác ra khỏi đơn vị, nghỉ hưu, thôi việc theo quy định.

Điều 20. Áp dụng quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương bao gồm các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, các loại quy trình, định mức khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành trong từng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành cụ thể.

2. Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc gia có liên quan thì việc giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương căn cứ vào các quy định pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, các loại quy trình, định mức khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 21. Thời hạn giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Thời hạn giám định tư pháp đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với từng loại việc giám định trong các lĩnh vực quy định tại Điều 3 Thông tư này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tối đa 02 tháng đối với trường hợp giám định các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp giám định vụ việc có khối lượng công việc lớn (có từ 02 nội dung giám định khác nhau trở lên) hoặc có tính chất phức tạp (có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân) thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng.

Trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng;

b) Tối đa 01 tháng đối với trường hợp giám định các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy định tại các khoản 8, 9, 10, 11, 12 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp giám định vụ việc có khối lượng công việc lớn (có từ 02 nội dung giám định khác nhau trở lên) hoặc có tính chất phức tạp (có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân) thì thời hạn giám định tối đa là 02 tháng.

Trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng.

3. Thời điểm tính thời hạn giám định tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 30 Luật số 105/2025/QH15.

4. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Luật số 105/2025/QH15.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Pháp chế

a) Là đơn vị đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp tại Bộ Công Thương;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét thành lập Hội đồng giám định tư pháp theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giám định tư pháp;

đ) Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về giám định tư pháp và các quy định của Thông tư này;

e) Chủ trì thực hiện việc sơ kết, tổng kết, đánh giá về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; gửi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Bộ Tư pháp và cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp; cấp thẻ, thu hồi thẻ, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; lập và gửi danh sách, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và gửi Bộ Tư pháp theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp; tổ chức bồi dưỡng và cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương kịp thời tôn vinh, khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương theo thẩm quyền.

3. Đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương có trách nhiệm đăng tải và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương đối với danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

4. Các đơn vị thuộc Bộ

a) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, rà soát, đề xuất với Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định;

b) Rà soát, đề xuất với Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định công nhận, huỷ bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị theo quy định pháp luật;

c) Bảo đảm thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức của đơn vị mình;

d) Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tổ tụng, tổng hợp các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật;

đ) Đề xuất khen thưởng đối với người làm giám định tư pháp thuộc đơn vị mình;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ;

g) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp, bồi dưỡng giám định tư pháp từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của đơn vị mình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

h) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao theo quy định.

5. Chánh Văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ, Viện trưởng các Viện trực thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương đã được bổ nhiệm, công nhận theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư này, khoản 1 Điều 13 Luật số 105/2025/QH15 thì không phải thực hiện lại việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Thông tư này.

2. Các quyết định trung cầu giám định tư pháp được tiếp nhận và thực hiện giám định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa ban hành kết luận giám định thì tiếp tục thực hiện giám định theo quy định tại Thông tư này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Thông tư số 30/2016/TT-BCT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương và Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Pháp chế) để xem xét, hướng dẫn./. *Ph*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số 2 3/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HỒ SƠ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)
Chúng tôi gồm:

- 1- Đại diện người trung cầu giám định (hoặc người yêu cầu giám định):
+ Ông (bà) chức vụ
+ Ông (bà) chức vụ
2- Đại diện (1):
+ Ông (bà) chức vụ
+ Ông (bà) chức vụ

Tiến hành giao nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định theo yêu cầu tại
Quyết định trung cầu giám định/văn bản yêu cầu giám định số..... (3) như sau:

.....
(Chú ý: Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng, cách thức bảo quản của đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan).

Biên bản giao, nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc giao nhận hoàn thành hồi.....giờ ngày...../...../.....

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI TRUNG
CẦU/NGƯỜI YÊU CẦU**
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(1)
(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Tên tổ chức/người giám định tiếp nhận trung cầu giám định.
(2) Địa điểm giao nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định.
(3) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 2/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN MỞ NIÊM PHONG

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)
Chúng tôi gồm:

1- Đại diện người trung cầu giám định (hoặc người yêu cầu giám định):

+ Ông (bà)chức vụ.....

+ Ông (bà)chức vụ.....

2- Đại diện.....

(1):

+ Ông (bà)chức vụ.....

+ Ông (bà)chức vụ.....

Tiến hành mở niêm phong tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu/Văn bản yêu cầu giám định số.... (3) sau đây:

.....
(Chú ý: Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng, cách thức bảo quản của đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi tiến hành mở niêm phong).

Biên bản mở niêm phong đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi.... giờ ngày...../...../.....

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI TRUNG
CẦU/NGƯỜI YÊU CẦU**

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(1)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên tổ chức/người giám định tiếp nhận trung cầu giám định.

(2) Địa điểm tiến hành mở niêm phong.

(3) Số văn bản trung cầu/yêu cầu giám định.

Phụ lục III

(Kèm theo Thông tư số 2 3/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 1: Giám định cá nhân

(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÁC NỘI DUNG THEO TRƯNG CẦU/YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TẠI ... (2)

Căn cứ Văn bản số ... (3) về việc tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu giám định và cử người tham gia giám định tư pháp (hình thức giám định cá nhân) đối với trưng cầu/yêu cầu giám định tại ... (2), người giám định tư pháp đã tiến hành giám định các nội dung và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp: (ghi rõ họ tên)

2. Người trưng cầu giám định/người yêu cầu giám định:

a) Cơ quan tiến hành tố tụng:

b) Người tiến hành tố tụng:

c) Văn bản trưng cầu/yêu cầu giám định số:

d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định:

Thời gian thực hiện giám định từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... tại ... (4)

Kết luận giám định hoàn thành ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... tại ... (5)

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Người trưng cầu/yêu cầu giám định: 02 (hai) bản;

- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản./.

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Ký và ghi rõ họ tên)

-
- (1) Tên tổ chức/người tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu giám định.
 - (2) Số văn bản trưng cầu/yêu cầu giám định.
 - (3) Số văn bản về việc tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu giám định và cử người tham gia giám định tư pháp.
 - (4) Ghi rõ địa điểm thực hiện giám định.
 - (5) Ghi rõ địa điểm hoàn thành việc giám định.

Mẫu số 2: Giám định dưới hình thức Tổ giám định hoặc Hội đồng giám định

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
CÁC NỘI DUNG THEO TRƯNG CẦU/YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TẠI ... (2)

Căn cứ Văn bản số ... (3) về việc tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu và Quyết định thành lập Tổ giám định/Hội đồng giám định đối với trưng cầu/yêu cầu giám định tại ... (2), Tổ giám định/Hội đồng giám định đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp: (ghi rõ họ, tên từng thành viên trong Tổ giám định/Hội đồng giám định)

2. Người trưng cầu/yêu cầu giám định:

- a) Cơ quan tiến hành tố tụng:
- b) Người tiến hành tố tụng:
- c) Văn bản trưng cầu/yêu cầu giám định số:
- d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định:

Thời gian thực hiện giám định từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... tại ... (4)

Kết luận giám định hoàn thành ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... tại ... (5)

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Người trưng cầu/yêu cầu giám định: 02 (hai) bản;
- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

Bản kết luận này đã được tập thể các thành viên giám định thảo luận, thông qua, đồng ký tên và chịu trách nhiệm như nhau trước pháp luật./.

THÀNH VIÊN TỔ GIÁM ĐỊNH/HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (6)
(Ký tên, đóng dấu)

-
- (1) Tên tổ chức tiếp nhận trung cầu/yêu cầu giám định.
 - (2) Số văn bản trung cầu/yêu cầu giám định.
 - (3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu giám định và thành lập Tổ giám định/Hội đồng giám định.
 - (4) Ghi rõ địa điểm thực hiện giám định.
 - (5) Ghi rõ địa điểm hoàn thành việc giám định.
 - (6) Người đại diện hợp pháp của tổ chức giám định (đối với Tổ giám định) hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định.

Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số 23/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-----**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN **BÀN GIAO KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

- Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Quyết định trưng cầu/Văn bản yêu cầu giám định số;
-;
Hôm nay, vào hồi ...giờ ... ngày tháng năm tại: (2)

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện người trưng cầu/người yêu cầu giám định:

+ Ông (bà) chức vụ

+ Ông (bà) chức vụ

2- Đại diện.....(3):

+ Ông (bà) chức vụ

Tiến hành bàn giao kết luận giám định vụ việc và đối tượng giám định theo Quyết định trưng cầu/Văn bản yêu cầu giám định gồm:

- 02 (hai) bản Kết luận giám định (giá trị pháp lý như nhau), mỗi bản gồm ... trang, có đầy đủ chữ ký các thành viên tham gia giám định tư pháp, có xác nhận đóng dấu của.....

- Đối tượng giám định kèm theo Quyết định trưng cầu/Văn bản yêu cầu giám định: ... (4)

Việc bàn giao Kết luận giám định và tài liệu phục vụ giám định kết thúc hồi ... giờ... cùng ngày; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã đọc lại cho hai bên giao nhận cùng nghe và thống nhất ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 (một) bản./.

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI TRƯNG
CẦU/NGƯỜI YÊU CẦU**

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên tổ chức/người giám định tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu giám định.

(2) Địa điểm giao nhận.

(3) Tên tổ chức/người giám định tiếp nhận trưng cầu/yêu cầu giám định.

(4) Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng, cách thức bảo quản của đối tượng giám định.

Phụ lục V

(Kèm theo Thông tư số 23/2026/TT-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VĂN BẢN GHI NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

Tôi/Chúng tôi gồm:.....

Thực hiện Văn bản số (3) về việc tiếp nhận trung cầu/yêu cầu giám định tư pháp và cử người tham gia giám định tư pháp dưới hình thức ... (giám định cá nhân/Tổ giám định/Hội đồng giám định) đối với trung cầu/yêu cầu giám định(4), người giám định/các thành viên Tổ giám định/Hội đồng giám định đã tiến hành giám định và ghi nhận quá trình thực hiện giám định như sau:

NỘI DUNG: (5)

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định đã được người giám định (trường hợp giám định hình thức cá nhân)/các thành viên giám định (đối với trường hợp giám định theo hình thức Tổ giám định/Hội đồng giám định) thảo luận, thông qua, cùng ký tên và lưu hồ sơ giám định (6)/.

(7)...., ngày tháng năm....

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH/CÁC THÀNH VIÊN TỔ GIÁM ĐỊNH/HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Tên tổ chức /người giám định tiếp nhận trung cầu.
- (2) Người giám định/Tổ giám định/Hội đồng giám định.
- (3) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung văn bản tiếp nhận trung cầu/yêu cầu giám định và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức cá nhân hoặc Tổ giám định/Hội đồng giám định.
- (4) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung văn bản trung cầu/yêu cầu giám định.
- (5) Ghi đầy đủ, chi tiết diễn biến quá trình giám định theo từng ngày; nhiệm vụ của mỗi giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc trong thực hiện giám định các nội dung theo trung cầu/yêu cầu giám định; Phương pháp thực hiện giám định; Kết luận và các ý kiến giống, khác nhau về đối tượng giám định; Thời gian, địa điểm diễn ra việc giám định theo từng ngày cụ thể; Ngày kết thúc giám định; Địa điểm hoàn thành kết luận giám định và các vấn đề có liên quan khác cần ghi nhận.
- (6) Văn bản ghi nhận quá trình giám định phải được thực hiện hằng ngày trong suốt quá trình giám định. Các thành viên tham gia giám định ngày nào thì trực tiếp ghi ý kiến của mình và ký xác nhận vào văn bản ghi nhận quá trình giám định của ngày đó.
- (7) Địa điểm hành chính nơi diễn ra quá trình giám định.